TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 536/2024/DS-PT
Ngày: 28/9/2024
V/v: Đòi lại quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 408/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc "Đòi lại quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10602/2024/QĐPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Phạm Văn C; địa chỉ: Khu dân cư L, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh X, sinh năm 1976; địa chỉ: Phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Bích N – Công ty Luật hợp danh V thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hùng Q1; địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Văn P1; địa chỉ: Xã

T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2; địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; đều có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Phạm Văn P1; địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

4.2. Bà Phạm Thị Thanh X; địa chỉ: Phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

4.3. Bà Phạm Thị P2; địa chỉ: Phường T, quận Y1, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P2: Bà Phạm Thị Thanh X, sinh năm 1976; địa chỉ: Phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

4.4. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

4.5. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn cụ Phạm Văn C và người đại diện theo ủy quyền của cụ C trình bày:

Cụ C và vợ cụ là cụ Nguyễn Thị Đ có tài sản chung là các thửa đất ở, đất nông nghiệp với tổng diện tích là 7.164m^2 tại xã T, huyện P (nay là huyện L), tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số P 421459 ngày 05/12/1998. Cụ thể: thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 diện tích 300m^2 đất ở, 5.584m^2 đất vườn; thửa đất số 258, tờ bản đồ số 39 diện tích 316m^2 đất lúa; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 39 diện tích 40m^2 đất lúa; thửa đất số 41, tờ bản đồ số 37 diện tích 924m^2 đất rừng trồng. Năm 1977, cụ Điều chết không để lại di chúc.

Ngày 25/01/2019, do không hiểu biết về pháp luật nên đã nghĩ rằng toàn bộ các thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của cụ Đ đã chết nên đã cùng các con lập biên bản phân chia di sản thừa kế cho cháu nội là anh Phạm Hùng Q1. Sau đó anh Q1 đã đi kê khai xin cấp GCNQSDĐ đứng tên anh Q1 đối với toàn bộ 7.164m^2 đất nêu trên. Nay cụ C được biết di sản thừa kế của cụ Đ chỉ có ½ diện tích 7.164m^2 đất, phần còn lại vẫn thuộc quyền sử dụng của tôi. Cụ C đã yêu cầu anh Q1 trả lại quyền sử dụng ½ tổng diện tích 7.164m^2 đất cho cụ C vì đó là đất đai hương hỏa tổ tiên để lại, để cụ C được quyền định đoạt, phân chia đối với tài sản của mình cho các con với ý nguyện hoa thơm mỗi người hưởng một tí nhưng anh Q1 không đồng ý, thậm chí bố mẹ đẻ anh Q1 là ông Phạm Văn P1 cùng vợ ông P1 còn nói những lời khó nghe, thách thức cụ C đưa vấn đề ra pháp luật, đuổi cụ C và con gái cụ ra khỏi nhà, làm mất hết tình cảm gia đình.

Cụ Phạm Văn C làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết:

Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo Biên bản phân chia tài sản thừa kế ngày 25/01/2019 giữa tôi, ông Phạm Văn P1, bà Phạm Thị Thanh X, bà Phạm Thị P2, anh Phạm Hùng Q1 vô hiệu một phần đối với diện tích đất của cụ C;

Hủy một phần GCNQSDĐ do UBND huyện L, tỉnh Phú Thọ đã cấp cho anh Phạm Hùng Q1 năm 2019 đối với ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 diện tích 2792m^2 tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ bao gồm: 150m^2 đất ở và 2.642m^2 đất vườn (đất trồng cây lâu năm khác).

Buộc anh Phạm Hùng Q1 phải trả lại cho cụ C ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.792m^2 trong đó có 150m^2 đất ở và 2.642m^2 đất trồng cây lâu năm khác. Cụ C xin rút yêu cầu đối với thửa đất số 258, tờ bản đồ số 39 diện tích 316m^2 đất lúa; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 39 diện tích 40m^2 đất lúa; thửa đất số 41, tờ bản đồ số 37 diện tích 924m^2 đất rừng trồng.

Ý kiến của cụ Phạm Văn C về yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2: Đối với việc ông P1, bà Q2 có yêu cầu đề nghị xác định ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 thuộc quyền sử dụng của ông P1, bà Q2 vì cụ đã nhường cho ông P1, bà Q2. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cụ C trình bày: Cụ không nhớ rõ năm nào cụ làm văn bản nhường đất cho ông P1, bà Q2, nhưng cụ nhớ khi để lại đất cho ông P1, bà Q2 sử dụng cụ có nói với ông P1, bà Q2 phải có trách nhiệm trông coi thửa đất, nộp thuế hàng năm, không được mua, bán chuyển nhượng đất vì thửa đất đó do tổ tiên để lại. Ông P1, bà Q2 được sử dụng nhà đất và có trách nhiệm chăm sóc cụ lúc khỏe, cũng như lúc ốm đau. Tuy nhiên, kể từ năm 1999 khi giao đất cho ông P1, bà Q2 sử dụng cho đến nay vợ chồng ông P1 không thực hiện như đã cam kết với cụ. Không có trách nhiệm với cụ, đối xử tệ bạc với cụ. Năm 2019, vợ chồng ông P1 có đón cụ về chung sống cùng, được khoảng hơn 3 tháng, nhưng do đối xử tệ bạc với cụ, nên cụ không thể ở cùng được cụ lại phải chuyển sang ở cùng với con riêng của cụ là anh Phạm Văn T1 tại thị xã Phú Thọ. Hiện nay cụ được biết ông P1, bà Q2 còn có ý định bán một phần thửa đất trên. Do vậy, nguyện vọng duy nhất của cụ hiện nay: thửa đất này nguồn gốc là do ông cha để lại nên cụ muốn đòi lại ½ thửa đất để cụ có chỗ ở về quê lúc tuổi già, mong muốn của cụ là có chỗ để sau này thờ cúng tổ tiên. Vì vậy, cụ đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập ông P1, bà Q2, đề nghị Tòa án tuyên đơn xin nhường lại đất ở ngày 03/4/1999 vô hiệu vì vi phạm điều kiện của hợp đồng tặng cho và buộc ông P1, bà Q2 và nay là anh Phạm Hùng Q1 trả lại ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 cho cụ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, cụ C và đại diện theo ủy quyền của cụ C có ý kiến trình bày: Ông P1 là con trai cả của cụ C, bà Q2là con dâu. Hai vợ chồng ông P1 sinh sống trên thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 từ khi kết hôn cho đến nay. Ông P1, bà Q2 có công sức trong việc duy trì, tôn tạo thửa đất. Do vậy, cụ đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ buộc anh Q1 trả lại cho cụ ½ diện tích đất của thửa đất số 82, tương đương diện tích 2.942m^2 trong đó có 150m^2 đất ở và 2.792 m^2 đất trồng cây lâu năm khác. Cụ đề nghị lấy diện tích 1.500m^2 đất trong đó có 75m^2 đất ở và 1425m^2 đất trồng cây lâu năm khác để cụ sử dụng, phần còn lại diện tích 1.442m^2 trong đó có 75m^2 đất ở và 1367m^2 đất trồng cây lâu năm khác cụ cho ông P1, bà Q2. Trên đất có nhà ở, công trình phụ là do cụ xây, nay được ông P1, bà Q2 tu sửa lại và làm thêm, ngoài ra trên đất còn có phần mộ của các cụ, nên cụ tự nguyện để lại cho ông P1, bà Q2, anh Q1 sử dụng phần đất có công trình và phần mộ, cụ lấy phần đất không có công trình xây dựng trên đất. Trên phần diện tích đất của cụ có các tài sản cây cối, hoa màu của ông P1, bà Q2, anh Q1. Cụ đề nghị ông P1, bà Q2, anh Q1thu hoạch trả lại đất cho cụ.

Trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn P1:

Năm 2019, gia đình cụ C có họp và thống nhất phân chia di sản thừa kế trong đó có cụ C, ông P1, bà P2, bà X thống nhất để lại di sản thừa kế là ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ (vợ cụ C) cho anh Phạm Hùng Q1 và ½ thửa đất trên cụ C đã tặng cho ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2, ông P1, bà Q2 cùng thống nhất tặng lại toàn bộ đất cho anh Q1. Căn cứ Văn bản phân chia ngày 25/01/2019 UBND huyện L đã cấp GCNQSDĐ số CQ 686364 ngày 22/4/2019 đối với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 cho anh Phạm Hùng Q1. Nay cụ C khởi kiện đề nghị anh Q1 trả lại ½ thửa đất trên, lúc đầu ông P1 đại diện cho anh Q1 có bản tự khai anh Q1 đồng ý trả lại cho cụ C sau đó lại thay đổi ý kiến anh Q1 không đồng ý, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của cụ C.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2 trình bày**:*

Năm 1999, bố tôi là Phạm Văn C đã tặng cho vợ chồng tôi phần diện tích là ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 tại: xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ có xác nhận của trưởng khu có chứng thực của UBND xã T. Năm 2019, gia đình chúng tôi họp phân chia ½ thửa đất trên là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ cho anh Phạm Hùng Q1 và ½ thửa đất trên bố tôi tặng cho vợ chồng tôi, chúng tôi cũng thống nhất tặng lại cho con trai tôi anh Phạm Hùng Q1. Năm 2019, anh Q1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chúng tôi xác nhận ½ thửa đất trên bố tôi tặng cho vợ chồng tôi là hợp pháp, chúng tôi đã sử dụng ổn định đã làm nhà, trồng cây trên đất. Chúng tôi đề nghị tòa án xác định ½ thửa đất trên thuộc quyền

sử dụng hợp pháp của vợ chồng tôi vì cụ C đã cho vợ chồng tôi và nay thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Q1.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P1 trình bày**:*

Năm 1999, bố tôi là Phạm Văn C đã viết đơn nhường lại cho vợ chồng tôi toàn bộ diện tích đất thổ cư và nhà ở, giao bìa đỏ cho vợ chồng tôi giữ và chuyển chủ hộ sang cho con trai là Phạm Văn P1 và Vũ Thị Q2. Năm 2019, bố tôi và anh em chúng tôi họp thống nhất sang tên toàn bộ thửa đất trên cho anh Phạm Hùng Q1 là con trai tôi và anh Q1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án bản tự khai ban đầu ông P1 nhất trí trả lại đất ½ diện tích thửa đất cho cụ C, tuy nhiên sau đó ông P1 thay đổi lời khai: Không nhất trí yêu cầu khởi kiện của cụ C không đồng ý trả lại ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 cho cụ C.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh X và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P2 là bà Phạm Thị Thanh X trình bày**:*

Ngày 25/01/2019, gia đình tôi gồm bố tôi, tôi, bà P2, ông P1 có lập văn bản phân chia di sản thừa kế do mẹ tôi là cụ Nguyễn Thị Đ để lại. Nội dung văn bản phân chia di sản thừa kế của mẹ tôi để lại là ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 tại xã T, huyện L. Trong văn bản không có nội dung bố tôi cho anh Q1 ½ diện tích thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 thuộc quyền sử dụng của bố tôi. Sau đó anh Q1 đã đi kê khai xin cấp GCNQSDĐ đứng tên anh Q1 đối với toàn bộ thửa đất nêu trên. Như vậy, việc anh Q1 kê khai là không đúng quy định của pháp luật. Nay bố tôi đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, chúng tôi nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bố tôi:

Đối với việc ông P1, bà Q2có yêu cầu đề nghị xác định ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 thuộc quyền sử dụng của ông P1, bà Q2 vì năm 1999 bố tôi đã nhượng cho vợ chồng ông P1: Chúng tôi có ý kiến như sau: Việc bố tôi nhượng cho vợ chồng ông P1 chị em chúng tôi không được biết, chúng tôi xác nhận từ khi bố tôi sang ở bên thị xã P, vợ chồng ông P1 không quam tâm, hỏi han, không chăm sóc, chăm nuôi bố tôi lúc khỏe, cũng như lúc ốm đau. Có lần đón bố tôi về ở, nhưng chỉ được vài tháng đối xử tệ bạc với bố tôi nên bố tôi lại quay về ở với em trai cùng cha khác mẹ là anh T1. Nay bố tôi đã già yếu chủ yếu tôi là người chăm sóc, ngoài ra vợ chồng ông P1 không có trách nhiệm gì. Hiện nay tôi được biết gia đình ông P1 còn muốn bán một thửa phần đất tổ tiên để lại. Nguyện vọng duy nhất của bố tôi: thửa đất này nguồn gốc là do ông cha tôi để lại nên muốn đòi lại ½ thửa đất để bố tôi có chỗ ở về quê lúc tuổi già, mong muốn của bố tôi là có chỗ để sau này thờ cúng tổ tiên. Vì vậy, chúng tôi đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bố tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hộ ông Phạm Văn C được UBND huyện P cũ cấp GCNQSDĐ số P 421459, số vào số 01523, ngày cấp 05/12/1998 với tổng diện tích cấp 7.592m², trong đó có thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 6.312m² (gồm đất ở 300m² và đất vườn 6012m²).

Năm 2019, cụ C đã thực hiện thủ tục xin chuyển tên chủ sử dụng đất theo Biên bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 25/01/2019 được UBND xã Tiên Kiên chứng thực ngày 10/02/2019, số chứng thực 02 quyển số 01/TP/CTCK-ĐC và xin đính chính diện tích thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 và đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện L thẩm định, xác nhận chuyển tên chủ sử dụng đất từ hộ cụ C thành "ông Phạm Hùng Q1, sinh năm 1991, địa chỉ khu Y2, xã T, huyện L", xác nhận đính chính diện tích thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 từ 6.312m² thành "5.884m²", tại trang 4 GCNQSDĐ số P 421459, số vào số 01523, ngày cấp 05/12/1998. Việc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện L xác nhận chuyển tên chủ sử dụng đất từ hộ cụ C thành "ông Phạm Hùng Q1" được thực hiện theo đề nghị của cụ C tại Đơn đăng ký biến động đất đai ngày 26/3/2019, theo Biên bản phân chia tài sản thừa kế đã được UBND xã T chứng thực có nội dung "Giao cho ông Phạm Hùng Q1 quản lý sử dụng tổng diện tích 7.164m²" đã được cụ C đồng ý ký tên và theo Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 26/3/2019 của UBND xã T. Đồng thời, anh Phạm Hùng Q1 đã thực hiện thủ tục xin cấp đổi riêng 01 thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới và đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số CQ686364, số vào sổ CH 02367 ngày 22/4/2019.

Việc UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số CQ686364, số vào sổ CH 02367 ngày 22/4/2019 cho anh Phạm Hùng Q1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vậy UBND huyện L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T, huyện L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, địa chỉ tại khu Y2 xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ được nhà nước công nhận QSD đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất cho cụ Phạm Văn C và cụ Nguyễn Thị Đ. Sau đó cụ Đ đã chết. Đến năm 2019, các thành viên gồm hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ là người đồng sở hữu cùng nhau thống nhất phân chia tài sản thừa kế trong đó giao lại toàn quyền quản lý và sử dụng cho ông Phạm Hùng Q1 (là cháu nội) theo biên bản phân chia thừa kế số 02 quyển số 01/TP/CTCK-ĐC của UBND xã T. Sau đó

anh Phạm Hùng Q1 đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên.

Việc chứng thực biên bản phân chia thừa kế số 02 quyển số 01/TP/CTCK-ĐC của UBND xã T do bộ phận tư pháp xã trực tiếp thẩm định chữ ký của các hộ là đúng, sau đó trình chủ tịch UBND xã để ký xác nhận.

Việc UBND xã T chứng thực biên bản phân chia thừa kế số 02 và căn cứ trên biên bản phân chia thừa kế để lập hồ sơ trình UBND huyện L cấp GCNQSDĐ cho anh Phạm Hùng Q1 là đúng quy định của pháp luật.

Nay cụ Phạm Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ do UBND huyện L cấp cho anh Phạm Hùng Q1 và buộc anh Q1 trả lại cho ông ½ diện tích thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 tại: khu 11, xã T, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định: Căn cứ Điều 37, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 161, Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218 BLTTDS; Điều 136, 137, 139, 146, 461, 463, 466 Bộ luật dân sự 1995; các điều 612, 613, 656 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, 35 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 3, Điều 36, khoản 3 Điều 38 Luật đất đai 1993; khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016; xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ Phạm Văn C đối với thửa đất số 258, tờ bản đồ số 39, diện tích 316m^2 đất lúa; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 39 diện tích 40m^2 đất lúa; thửa đất số 41, tờ bản đồ số 37 diện tích 924m^2 đất rừng trồng, các thửa đất có địa chỉ tại: xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Cụ Phạm Văn C có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu giải quyết trên.

2. Chấp yêu cầu khởi kiện của cụ Phạm Văn C; không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2.

2.1. Tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 25/01/2019 vô hiệu một phần.

2.2. Hủy một phần GCNQSDĐ do UBND huyện L, tỉnh Phú Thọ đã cấp cho anh Phạm Hùng Q1 số: CQ 686364 ngày 22/4/2019 đối với ½ diện tích thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 2942m^2 trong đó có 150m^2 đất ở và 2792m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại: Khu Y2, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2.3. Tuyên bố đơn xin nhường lại đất ở ngày 03/4/1999 của cụ Phạm Văn C vô hiệu.

2.4. Công nhận sự tự nguyện của cụ Phạm Văn C: Buộc Phạm Hùng Q1 có trách nhiệm trả cho cụ Phạm Văn C một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 1500m^2 trong đó có 75m^2 đất ở và 1425m^2 đất trồng cây lâu năm khác

tại: Khu Y2, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ có chỉ giới 7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,7 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

2.5. Công nhận sự tự nguyện của cụ Phạm Văn C tặng cho ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2 một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 1442m^2 trong đó có 75m^2 đất ở và 1367m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại: Khu Y2, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2.6. Công nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2 tặng cho anh Phạm Hùng Q1 toàn bộ diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm khác của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 do cụ Phạm Văn C tặng cho ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2 tại: Khu Y2, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2.7. Anh Phạm Hùng Q1 được quyền sử dụng một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 4384m^2 trong đó có 225m^2 đất ở và 4159m^2 đất trồng cây lâu năm khác và toàn bộ tài sản nhà ở, công trình phụ, cây cối lâm lộc và trên diện tích đất đó có phần mộ của các cụ có chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,22, 23…34,35,1(có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

3. Ông Phạm Văn P1, bà Vũ Thị Q2, anh Phạm Hùng Q1 có trách nhiệm thu hoạch cây cối, hoa màu, tháo dỡ công trình có trên diện tích 1500m^2 để trả lại đất cho cụ Phạm Văn C.

Đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị cấp, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án của tòa án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo vẽ, chi phí giám định, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2024, bị đơn anh Phạm Hùng Q1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Q1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung, các tài liệu, chứng cứ của vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Hùng Q1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; người bảo vệ quyền lợi của nguyên của nguyên đơn; ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại đơn khởi kiện cụ Phạm Văn C đề nghị: Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo Biên bản phân chia tài sản thừa kế ngày 25/01/2019 giữa cụ, ông Phạm Văn P1, bà Phạm Thị Thanh X, bà Phạm Thị P2, anh Phạm Hùng Q1 vô hiệu một phần đối với diện tích đất của cụ. Hủy một phần GCNQSDĐ do UBND huyện L, tỉnh P đã cấp cho anh Phạm Hùng Q1 năm 2019 đối với ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 diện tích 2.792m^2 tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ bao gồm: 150m^2 đất ở và 2.642m^2 đất vườn (đất trồng cây lâu năm khác). Buộc anh Phạm Hùng Q1 phải trả lại cho ông ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.792m^2 trong đó có 150m^2 đất ở và 2.642m^2 đất trồng cây lâu năm khác, thửa đất số 258 tờ bản đồ số 39 diện tích 316m^2 đất lúa, thửa đất số 38 tờ bản đồ số 39 diện tích 40m^2 đất lúa, thửa đất số 41 tờ bản đồ số 37 diện tích 924m^2 đất trồng rừng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn P1, bà Vũ Thị Q2 có yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2 đề nghị công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ C với bà Q2, ông P1. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật là "Đòi lại quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu" là đúng quy định tại Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 258, tờ bản đồ số 39 diện tích 316m^2 đất lúa; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 39 diện tích 40m^2 đất lúa; thửa đất số 41, tờ bản đồ số 37 diện tích 924m^2 đất rừng trồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu của cụ C là tự nguyện phù hợp với pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Phạm Hùng Q1 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của cụ Phạm Văn C:

[2.1] *Đối với yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/01/2019 vô hiệu một phần của cụ C:*

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác định nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 diện tích 6.312m^2 (hiện trạng đo đạc là 5.584m^2) tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ là của

cha ông để lại cho cụ Phạm Văn C và cụ Nguyễn Thị Đ. Ngày 05/12/1998, UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số P 421459 mang tên cụ Phạm Văn C. Sau khi cụ Đ chết, cụ C chuyển về sinh sống cùng con riêng của cụ là anh Phạm Văn T1 tại thị xã Phú Thọ, toàn bộ diện tích đất nêu trên giao lại cho con trai và con dâu là ông Phạm Văn P1, bà Vũ Thị Q2 quản lý, sử dụng. Năm 2019, ông P1, bà Q2 đón cụ C về chung sống. Ngày 25/01/2019, cụ C cùng các con của cụ C, cụ Đ là ông Phạm Văn P1, bà Phạm Thị Thanh X, bà Phạm Thị P2 tiến hành lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ. Xét Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/01/2019 đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, nội dung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/01/2019 chỉ đề cập đến thống nhất phân chia định đoạt đối với di sản thừa kế của cụ Đ, nhưng phần diện tích lại thể hiện định đoạt cả phần tài sản là ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 của cụ C là không đúng với ý chí nguyện vọng của bản thân cụ C và các con của cụ C. Quá trình giải quyết vụ án, cụ C và các con của cụ C gồm bà X, bà P2 đều khẳng định không biết và không có việc cụ C cho ông P1, bà Q2 ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36. Ông Phạm Văn P1 khẳng định cụ C đã thể hiện ý chí tặng cho ông P1, bà Q2 ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/01/2019; sau đó, ông P1, bà Q2 tặng cho con trai là anh Phạm Văn Q1. Tuy nhiên, trong Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/01/2019 không có nội dung nào thể hiện cụ C tặng cho ông P1, bà Q2 ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36. Ông P1 cũng không xuất trình được tài liệu nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Từ đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phạm Văn C đề nghị tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/01/2019 vô hiệu một phần đối với ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 là tài sản của cụ C.

[2.2] *Đối với yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ do UBND huyện L, tỉnh Phú Thọ đã cấp cho anh Phạm Hùng Q1 ngày 22/4/2019 đối với ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 diện tích 2.942m^2 tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ bao gồm: 150m^2 đất ở và 2.792m^2 đất vườn (đất trồng cây lâu năm khác); Buộc anh Phạm Hùng Q1 phải trả lại ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.942m^2 trong đó có 150m^2 đất ở và 2.792m^2 đất trồng cây lâu năm khác:*

Theo phân tích tại mục [2.1], do có cơ sở xác định Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/01/2019 vô hiệu một phần đối với ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 là tài sản của cụ C. Việc UBND huyện L căn cứ văn bản phân chia di sản của cụ Đ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 5.884m^2 cho anh Phạm Hùng Q1 là không đúng đối tượng sử dụng đất, xâm phạm quyền, lợi ích hợp

pháp của cụ Phạm Văn C. Do đó, cần hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Q1 đối với ½ diện tích thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 tại: Khu Y2, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nội dung khởi kiện yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ do UBND huyện L, tỉnh Phú Thọ đã cấp cho anh Phạm Hùng Q1 năm ngày 22/4/2019 đối với ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 diện tích 2.942m^2 tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ bao gồm: 150m^2 đất ở và 2.792m^2 đất vườn (đất trồng cây lâu năm khác); Buộc anh Phạm Hùng Q1 phải trả lại ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.942m^2 trong đó có 150m^2 đất ở và 2.792m^2 đất trồng cây lâu năm khác của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2, thấy rằng:* Quá trình giải quyết vụ án, ông P1, bà Q2 xuất trình Đơn xin nhường đất thổ cư và nhà ở ngày 03/4/1999 của cụ Phạm Văn C có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, trong văn bản nêu trên không ghi rõ cụ C nhường lại thửa đất số bao nhiêu, tờ bản đồ nào? Diện tích bao nhiêu m^2 và thửa đất đó có địa chỉ tại đâu, thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa? giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ai là chủ sử dụng? Xét thấy, Đơn nhường đất ngày 03/4/1999 của cụ C không đúng quy định của pháp luật về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có vi phạm cả về nội dung và hình thức. Ông P1 cho rằng đơn nhường quyền sử dụng đất của cụ C chính là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 thì hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông P1, bà Q2 cho rằng được cụ C tặng cho quyền sử dụng đất từ năm 1999, tuy nhiên cho đến nay vợ chồng ông P1, bà Q2 chưa làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, hợp đồng tặng cho chưa có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, các con của cụ C là bà X, bà P2 đều khẳng định không biết gì việc cụ C đã tặng cho ông P1, bà Q2 diện tích đất, nhà ở tại thửa số 82, tờ bản đồ số 36. Quá trình giải quyết vụ án, có lời khai ông P1 khẳng định năm 1999 cụ C đã viết giấy cho ông P1, bà Q2 ½ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36; nhưng bà Q2 lại xác định năm 1999 cụ C viết giấy cho ông P1, bà Q2 toàn bộ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36; có lời khai của ông P1 đề nghị trả lại cụ C ½ quyền sử dụng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36. Như vậy, trong chính lời khai của ông P1, bà Q2 về việc cụ C tặng cho ông P1 bà Q2 thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 cũng có mâu thuẫn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P1 và bà Vũ Thị Q2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, cụ C và đại diện theo ủy quyền của cụ C có nguyện vọng chỉ đòi lại 1.500m^2 đất trong đó có 75m^2 đất ở và 1.425m^2 đất trồng

cây lâu năm khác để cụ sử dụng, phần còn lại có diện tích 1.442m^2 trong đó có 75m^2 đất ở và 1.367m^2 đất trồng cây lâu năm khác cụ cho con trai, con dâu là ông P1, bà Q2. Vì ông P1, bà Q2 sinh sống trên thửa đất số 82, tờ bản đồ số 36 từ khi kết hôn cho đến nay, có công sức trong việc duy trì, tôn tạo thửa đất. Cụ C tự nguyện để lại cho ông P1, bà Q2, anh Q1 sử dụng phần đất trên đất có nhà ở, công trình do ông P1, bà Q2 tu sửa lại và xây dựng, cụ lấy phần đất không có công trình xây dựng trên đất. Trên phần diện tích đất của cụ có các tài sản cây cối, hoa màu của ông P1, bà Q2, anh Q1, đề nghị ông P1, bà Q2, anh Q1 thu hoạch trả lại đất cho cụ. Xét thấy, yêu cầu của cụ C là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của cụ C là đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phạm Hùng Q1 kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của anh Phạm Hùng Q1 là không có cơ sở chấp nhận; đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của anh Q1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[6] Về án phí: Kháng cáo của anh Phạm Hùng Q1 không được chấp nhận nên anh Q1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Hùng Q1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Án phí phúc thẩm: Anh Q1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000221 ngày 15/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân Hương **Hồ Sỹ Hưng** **Lê Thị Thúy Bình**